

Số: 22/2026/NQ-HĐND

Thành phố Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

Xét Tờ trình số 9175/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế theo quy định được giao tại điểm b khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 29; khoản 2 Điều 39; khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế;
- b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Doanh nghiệp thực hiện các dự án, hoạt động đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư; trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ của nhiều chính sách từ nguồn ngân sách nhà nước thì được lựa chọn một chính sách hỗ trợ cao nhất.

2. Không hỗ trợ đối với các khoản chi đã được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo các chương trình, đề án hoặc chính sách khác của Trung ương và địa phương.

3. Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở kết quả nghiệm thu, thẩm định hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu chứng minh nội dung chi và kết quả thực hiện.

4. Dự án không hoàn thành, sử dụng sai mục đích hoặc báo cáo không trung thực thì chủ thể phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm và trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Thông tin về các dự án, doanh nghiệp được hỗ trợ được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Huế sau khi có kết quả phê duyệt hoặc báo cáo được cơ quan có thẩm quyền ban hành, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ

- a) Doanh nghiệp thực hiện dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo;

b) Doanh nghiệp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao;

b) Doanh nghiệp có hoạt động đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp;

c) Dự án khởi nghiệp sáng tạo có nhu cầu đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số;

d) Dự án khởi nghiệp sáng tạo có thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số;

đ) Dự án thiết kế chip bán dẫn có nhu cầu đào tạo phát triển nguồn nhân lực thiết kế chip bán dẫn.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Doanh nghiệp có hợp đồng lao động hoặc văn bản thỏa thuận hợp tác với nhân sự; nhân sự được thuê phải đáp ứng các tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

b) Đối với đào tạo lao động: Người lao động được đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng đang làm việc tại Doanh nghiệp theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

c) Phát triển nhân lực khởi nghiệp: Các khóa đào tạo ngắn hạn phải liên quan trực tiếp đến nội dung dự án;

d) Đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số: Phải tham gia trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của dự án;

đ) Đối với nhân lực thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn: Doanh nghiệp có hợp tác đào tạo với cơ sở giáo dục, đào tạo; cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu khoa học; doanh nghiệp trong, ngoài nước. Nhân lực thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn phải tham gia trực tiếp thực hiện các hoạt động thiết kế, kiểm thử, xác minh, mô phỏng hoặc phát triển sản phẩm vi mạch bán dẫn của dự án;

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao (*gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật*); mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng/dự án và không quá 02 người/dự án. Thời gian hỗ trợ là 12 tháng/người/dự án;

b) Hỗ trợ chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số của doanh nghiệp: Mức hỗ trợ 10 (mười) triệu đồng/người. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án;

c) Hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án;

d) Hỗ trợ 50% kinh phí thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số. Mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án;

đ) Hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo ngắn hạn về phát triển nguồn nhân lực thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 4. Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm;

b) Doanh nghiệp thực hiện dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn;

c) Doanh nghiệp thực hiện dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án có quy mô vốn đầu tư (*không bao gồm tiền thuê đất*) từ 50 tỷ đồng trở lên;

b) Dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

c) Dự án tạo ra sản phẩm công nghệ có tiềm năng xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư*) theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Doanh nghiệp có dự án phù hợp với các quy hoạch của thành phố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) và không vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai dự án;

d) Doanh nghiệp có dự án chưa được hỗ trợ từ chính sách khác của thành phố với cùng nội dung hỗ trợ.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư xây dựng nhà máy. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ trực tiếp dự án. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án;

c) Hỗ trợ 20% chi phí mua sắm dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 5. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số cho các hoạt động bao gồm:

a) Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm;

b) Tư vấn khởi nghiệp;

c) Mua công nghệ và đổi mới công nghệ.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án có mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số, đổi mới sáng tạo;

b) Dự án có sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ số đã qua giai đoạn nghiên cứu, đang trong giai đoạn thử nghiệm hoặc bắt đầu thương mại hóa.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án khởi nghiệp sáng tạo có tính thực tiễn và có tính đổi mới sáng tạo;

b) Doanh nghiệp cam kết triển khai dự án và duy trì hoạt động tại thành phố Huế;

c) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được thành lập không quá 05 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 70% kinh phí nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn khởi nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/dự án;

c) Hỗ trợ 50% kinh phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.

2. Tiêu chí hỗ trợ

Dự án tập trung vào một trong các lĩnh vực: Nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam: Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

b) Doanh nghiệp có sản phẩm mẫu, thiết kế sở hữu trí tuệ, nền tảng mô phỏng hoặc giải pháp thiết kế chip cụ thể; có kế hoạch thương mại hóa hoặc ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng, nông nghiệp, đô thị thông minh, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT),...

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm (Lab), phần mềm thiết kế chuyên dụng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 40% kinh phí nghiên cứu, vật tư tiêu hao, sản xuất thử nghiệm (Fabless) và đăng ký sở hữu trí tuệ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/dự án;

c) Hỗ trợ 30% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ phục vụ nghiên cứu và kiểm thử. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp (*sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, vật tư, hóa chất, linh kiện, khuôn mẫu đặc chủng*) phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn;

b) Dự án sản xuất thiết bị điện tử, vi mạch sử dụng chip bán dẫn được sản xuất tại Việt Nam;

c) Sản phẩm của doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành bán dẫn, điện tử.

d) Dự án có khả năng thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng, tăng tỷ lệ nội địa hóa hoặc hỗ trợ trực tiếp các dự án thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn trong nước; có hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước;

đ) Dự án góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp của thành phố, chuyển giao công nghệ tiên tiến hoặc có sản phẩm có khả năng thay thế nhập khẩu.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP;

b) Doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu, thiết kế hoặc sản xuất trong lĩnh vực vi mạch - điện tử; có chuyên gia chuyên ngành điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu bán dẫn hoặc cơ điện tử; đội ngũ quản lý có kinh nghiệm triển khai dự án công nghệ cao.

4. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% kinh phí thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, vật tư tiêu hao để sản xuất sản phẩm mẫu đầu tiên (First Article) gửi đối tác thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 30% kinh phí mua sắm dây chuyền, thiết bị mới, bản quyền công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, độ chính xác của sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết);

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 8. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này tại Trung tâm phục vụ Hành chính công thành

phổ (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia).

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện.

3. Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định hỗ trợ, tổ chức thực hiện chi trả cho các đối tượng được thụ hưởng chính sách. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, Kỳ họp lần thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Đức Tiến